

Bản án số: 43/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 24 - 4 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Th

Ông Trịnh Tiến Thanh

- Th ký phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung - Th ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX- ST ngày 13 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th - sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện H, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Th yêu cầu giải quyết vụ án với bị đơn anh Nguyễn Văn T như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn T, tự nguyện kết hôn vào năm 2015, việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Tr, Huyện H, tỉnh Thanh Hóa, cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được khoảng 05 năm thời thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do anh T ham chơi, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm, chăm lo đến gia đình, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì đối với nhau. Nay chị Th thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể duy trì nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Th và anh T có hai người con chung là Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 14/8/2016 và cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/7/2019. Từ tháng 4 năm 2021 chị Th cùng với hai cháu về sinh sống tại xã H, Huyện H. Nay xin ly hôn chị Th nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000đồng, hai cháu là 2.000.000 đồng/tháng. Quá trình hòa giải chị Th thay đổi quan điểm không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Để chứng minh thu nhập, chị Th đã xuất trình xác nhận thu nhập tháng 9, 10 và tháng 11/2023 của Công ty TNHH Daehan Global Thanh Hóa, có địa chỉ tại xã H, Huyện H.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn T có quan điểm trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, Huyện H, vào năm 29015, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới được khoảng 3 năm thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, lý do là anh ham chơi dẫn đến nợ nần, kinh tế khó khăn nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, trong khoảng thời gian đó anh T và chị Th có ngồi lại để giải quyết xung đột nhưng không có kết quả. Từ tháng 12/2022, chị Th thuê nhà sống riêng, sau đó một thời gian chị Th đưa các cháu về nhà ngoại tại xã Hoảng Xuân, Huyện Hoảng Hóa sinh sống. Nay chị Th làm đơn ly hôn thì anh cũng đồng ý được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung với nhau là cháu Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 14/8/2016 và cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/7/2019. Hiện các cháu vẫn đang ở nhà ngoại và do chị Th chăm sóc một mình, thỉnh thoảng anh T có về đưa các cháu về nhà nội chơi ít hôm rồi anh lại đưa cháu về cho chị Th. Do điều kiện chị Th đang làm công nhân lại tăng ca nên việc chăm sóc con cái sẽ khó khăn, hơn nữa trách nhiệm nuôi con là cả bố và mẹ, nên anh cũng có quyền được nuôi con, nếu một cháu thì anh không tranh chấp nhưng vì hai cháu, các cháu phải có điều kiện chăm sóc tốt nhất để phát triển. Vì vậy anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng một trong hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Để chứng minh thu nhập anh T đã xuất trình xác nhận thu nhập chính của anh hàng tháng tại Công ty TNHH xử lý Môi trường và Vận tải san lấp mặt bằng Trường Vũ.

Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nơi anh, chị cư trú, bà Lê Thị D mẹ anh T cho biết; anh T và chị Th có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh T đi làm ở xa ít về gia đình, lại ham chơi bời, việc mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại kHên ngăn, động viên nhưng không có kết quả. Từ tháng 5 năm 2022 chị Th cùng hai con nhỏ đã về bên ngoại tại xã H, huyện H, từ đó vợ chồng sống ly thân, còn anh T thì đang làm công ty san lấp mặt bằng Trường Vũ. Còn về địa phương thì không nắm bắt được nguyên nhân và mâu thuẫn vợ chồng.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hậu Lộc, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương về thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Th và anh T có hai người con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 14/8/2016 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/7/2019 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh, chị không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Sau khi ly hôn, anh T, chị Th được quyền và nghĩa vụ quan lại thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở,

Về tài sản chung: Không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết,

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Th phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th ký phiên tòa và người tham gia tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Huyện H có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn”. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện H vào năm 2015. Hai bên đều thừa nhận việc kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, được tổ chức theo phong tục tập quán tại địa phương. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm các quy định về độ tuổi, về điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, thời kỳ hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh T thừa nhận quá trình chung sống, do anh ham chơi dẫn đến nợ nần nên ảnh hưởng đến cuộc sống hạnh phúc vợ chồng, ngoài nguyên nhân trên thì không có việc anh T quan hệ bất chính dẫn đến mất tình cảm vợ chồng, nguyên nhân và lý do mâu thuẫn là phù hợp với nội dung khởi kiện của chị Th và thông tin cung cấp của bà Lê Thị D mẹ anh T. Như vậy, mâu thuẫn xảy ra chỉ là do anh T ham chơi dẫn đến nợ nần, làm ảnh hưởng đến cuộc sống tình cảm vợ chồng, nên anh, chị đã không tìm được tiếng nói chung, không hòa hợp được về tình cảm dẫn đến tình trạng vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm nay, mặc dù việc mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình nội ngoại kHên ngăn hòa giải, anh T đã nhận thấy sai lầm do ham chơi nhưng không được chị Th chấp nhận tha thứ. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa các bên đều thống nhất vợ chồng không còn tình cảm nên thuận tình ly hôn. Thấy việc thỏa thuận của các đương sự về thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật,

[4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 14/8/2016 và cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/7/2019. Xét thấy; trách nhiệm nuôi con chung là của cả bố và mẹ đối với con chưa thành niên, việc anh chị ly hôn đã làm phát sinh quyền nuôi con đối với anh, chị. Tại thời điểm giải quyết vụ án các cháu tuy còn nhỏ nhưng đều phát triển bình Thờng về thể chất, cháu Nguyễn Thị Hoài Th đã đi học lớp ba, còn cháu Nguyễn Quang H đã bước sang tuổi thứ 5. Quá trình mâu thuẫn phát sinh chị Th đã cùng hai cháu về ngoại sinh sống từ tháng 10/2022. Đến nay các cháu đang ổn định học tập bên chị Th nhưng đều đó không có nghĩa là quyền nuôi con thuộc về chị Th, bởi hai cháu còn đang nhỏ, điều kiện thu nhập của chị không cao, trong khi chị vừa đi làm công ty lại vừa chăm sóc cả hai cháu, nên nguyện vọng nuôi cả hai cháu của chị Th là không thuận lợi có phần khó khăn đối với chị, nay anh chị ly hôn nhưng không thỏa thuận được việc nuôi con. Do đó việc giao con cho một trong các bên có quyền nuôi dưỡng, được xem xét trên cơ sở môi trường dưỡng dục để các cháu có sự phát triển toàn diện về mọi mặt, phù hợp về giới tính, điều kiện chăm sóc, thu nhập của mỗi bên và nguyện vọng của con. Thấy cháu Nguyễn

Thị Hoài Th đã học lớp ba, nguyện vọng của cháu mong muốn được ở với chị Th, nguyện vọng của cháu cũng phù hợp với môi trường dưỡng dục và điều kiện chăm sóc hàng ngày của chị Th. Vì vậy, cần giao cháu cho chị Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, còn cháu Nguyễn Quang H được giao cho anh T có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

[5]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết nên miễn xét.

[6]. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án không có giá ngạch là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này sẽ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn T;

Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài Thu, sinh ngày 14/8/2016 và cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/7/2019. Giao cháu Nguyễn Quang H cho anh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Hoài Thu cho chị Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th và anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh, chị được quyền, nghĩa vụ qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Hiện nay cháu Nguyễn Quang H đang ở gia đình chị Th, nên chị Th có nghĩa vụ giao lại cháu Nguyễn Quang H cho anh T để thực hiện quyền trực tiếp nuôi con. Trường hợp chị Th không tự nguyện và có sự ngăn cản việc giao con thì anh T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án để thi hành việc giao con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số: 0003162 ngày 22/12/2023 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện H.

Án xử công khai có mặt các bên đương sự, các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm,

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND Huyện H;
- Đương sự;
- Chi cục THADS H .
- UBND xã Tr, Huyện H;
- Lưu HSVA.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi